Tiết 7;8: Ngày soạn: 23/ 9/2023

**BÀI 5. XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

* Mô tả được sơ lược các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thuỷ.
* Trình bày được những nét chính vê' đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của xã hội nguyên thuỷ.
* Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như xã hội loài người.
* Nêu được đôi nét vê' đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam.

**2. Năng lực**

- Đọc và chỉ ra được thông tin quan trọng trên lược đồ.

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

**3. Phẩm chất**

Tiếp tục bồi dưỡng các phẩm chất chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phiếu học tập.

- Bản đồ treo tường các di chỉ thời đại đồ đá và đổng ở Việt Nam.

- Một số tranh ảnh vẽ công cụ, đồ trang sức, ... của người nguyên thuỷ.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

- Video về một số nội dung trong bài học (nếu có).

**2. Chuẩn bị của học sinh**

Tranh ảnh, dụng cụ học tập theo yêu cầu của giáo viên

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ1. Mở đầu – xác định vấn đề**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  GV chiếu cho HS xem đoạn video về hội thi Thổi cơm.  **c. Sản phẩm**  Câu trả lời của nhóm Hs  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Xem đoạn video và trả lời câu hỏi sau  ? Nội dung được nói đến trong video? Ý nghĩa của nội dung ấy?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  GV: Định hướng giúp học sinh vừa xem đoạn phim vửa lựa chọn thông tin phù hợp để trả lời câu hỏi  Hs: Tập trung xem phim, trả lời câu hỏi GV đã giao.  **B3: *Báo cáo thảo luận***  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  ***B4: Kết luận, nhận định.***  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |

**HĐ2. Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: Các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thuỷ.** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS mô tả sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thuỷ.  **b. Nội dung:**  HS đọc và khai thác thông tin trong Bảng hệ thống các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thuỷ trên thế giới, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác thông tin trong Bảng hệ thống các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thuỷ trên thế giới, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  **c. Sản phẩm:**  **\*Dự kiến sản phẩm của học sinh**  Em biết gì về thời gian tồn tại của xã hội nguyên thuỷ và các giai đoạn phát triển của thời kỳ này?  - Xã hội nguyên thuỷ kéo dài hàng triệu năm…  - Xã hội nguyên thuỷ đã trải qua những giai đoạn: Từ bầy người nguyên thuỷ chuyển sang công xã thị tộc.  NV2. Đặc điểm khác nhau ở mỗi giai đoạn bầy người nguyên thuỷ và công xã thị tộc là gì? Nguyên nhân nào khiến công xã thị tộc khác biệt hơn hẳn so với giai đoạn bầy người nguyên thuỷ?  - Bầy người nguyên thuỷ:  + Là tổ chức xã hội sơ khai đầu tiên của loài người, có người đứng đầu, có sự phân công lao động giữa nam và nữ,...  + Biết chế tạo công cụ lao động bằng đá, được ghè đẽo thô sơ.  + Đời sống dựa vào săn bắt, hái lượm, biết tạo ra lửa.  - Công xã thị tộc:  + Gắn liền với sự xuất hiện của Người tinh khôn (khoảng 15 vạn năm trước).  + Công cụ lao động đã được mài cho sắc bén và đẹp hơn; chế tạo cung tên, làm đố gốm, dệt vải, đặc biệt đã biết đến trồng trọt và chăn nuôi.  + Biết chế tạo, sử dụng đổ trang sức, sáng tạo nghệ thuật (vẽ tranh trên vách hang đá,...).  => Lao động giúp con người phát triển trí thông minh, đôi bàn tay con người cũng dần trở lên khéo léo, cơ thể cũng dần biến đổi để thích ứng với các tư thế lao động giúp con người người từng bước tự cải biển mình và làm cho cuộc sống phong phú hơn.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***Nhiệm vụ 1:***  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Dựa vào Bảng hệ thống các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thuỷ trên thế giới và kiến thức đã tìm hiểu được, em hãy cho biết thời gian tồn tại của xã hội nguyên thuỷ và các giai đoạn phát triển của thời kỳ này?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK, thu thập thông tin.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu đại diện học sinh trình bày – tương tác với các bạn khác.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  **Nhiệm vụ 2:**  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Quan sát hình 2 và Bảng hệ thống các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thuỷ trên thế giới cùng ngữ liệu SGK, hãy cho biết điểm khác nhau ở mỗi giai đoạn bầy người nguyên thuỷ và công xã thị tộc là gì? Nguyên nhân nào khiến công xã thị tộc khác biệt hơn hẳn so với giai đoạn bầy người nguyên thuỷ?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin  Trình bày ý kiến cá nhân vào phiếu học tập dưới sự hướng dẫn của Gv  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức và chuyển sang hoạt động tiếp theo | - Xã hội nguyên thuỷ kéo dài hàng triệu năm…  - Người nguyên thuỷ đã tổ chức xã hội của mình từ bầy người nguyên thuỷ chuyển sang công xã thị tộc.  - Bầy người nguyên thuỷ:  + Là tổ chức xã hội sơ khai đầu tiên của loài người, có người đứng đầu, có sự phân công lao động giữa nam và nữ,...  + Biết chế tạo công cụ lao động bằng đá, được ghè đẽo thô sơ.  + Đời sống dựa vào săn bắt, hái lượm, biết tạo ra lửa. Sống trong hang động.  - Công xã thị tộc:  + Gắn liền với sự xuất hiện của Người tinh khôn (khoảng 15 vạn năm trước).  + Công cụ lao động đã được mài cho sắc bén và đẹp hơn; chế tạo cung tên, làm đố gốm, dệt vải, đặc biệt đã biết đến trồng trọt và chăn nuôi.  + Biết chế tạo, sử dụng đổ trang sức, sáng tạo nghệ thuật (vẽ tranh trên vách hang đá,...).  Đã có tục chôn người chết và đời sống tâm linh.  + Tổ chức xã hội: Công xã thị tộc gồm 2, 3 thế hệ, có cùng dòng máu, làm chung và hưởng chung. Nhiều thị tộc họ hàng, sống cạnh nhau tạo thành bộ lạc.  => Lao động giúp con người phát triển trí thông minh, đôi bàn tay con người cũng dần trở nên khéo léo, cơ thể cũng dần biến đổi để thích ứng với các tư thế lao động giúp con người người từng bước tự cải biển mình và làm cho cuộc sống phong phú hơn |
| **HOẠT ĐỘNG 2: Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam.**  **a. Mục tiêu:** HS hiểu được đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam  **b. Nội dung:**  HS quan sát hình 3,4,5,6 SGK đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh quan sát hình 3,4,5,6 SGK, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  Hinh 4. Luoc do di chi thoi do da va do dong o Viet Nam  **Hình 4.** Lược đồ di chỉ thời đồ đá và đồ đồng ở Việt Nam  **c. Sản phẩm:**  **\*Dự kiến sản phẩm của học sinh**  NV1: Em nhận thấy kĩ thuật chế tác công cụ Bắc Sơn có điểm gì tiến bộ hơn so với Núi Đọ?  Kĩ thuật chế tác công cụ ở Bắc Sơn tiến bộ hơn so với Núi Đọ bởi họ đã biết cải tiến công cụ. Từ chỗ chỉ biết ghè đẽo, họ đã biết mài đá, tạo ra nhiều loại công cụ khác nhau nhọn, sắc hơn, dễ cầm nắm, thuận tiện cho lao động và mang lại năng suất cao hơn.  NV2: Khai thác kênh hình và thông tin ở mục 2, hãy cho biết những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.  - Về đời sống vật chất:  + Sống chủ yếu trong các hang động, mái đá hoặc các túp lều lợp bằng cỏ khô hay lá cây.  + Nguồn thức ăn bao gồm cả những sản phẩm săn bắn, hái lượm và tự trồng trọt, chăn nuôi.  - Về đời sống tinh thần:  + Trong các di chỉ, người ta đã tìm thấy nhiều viên đất nung có dùi lỗ và xâu thành chuỗi, nhiều vỏ ốc biển được mài thủng, có thể xâu dây làm đồ trang sức, những bộ đàn đá, vòng tay,... Hoa văn trên đồ gốm cũng dần mang tính chất nghệ thuật, trang trí.  + Trong nhiều hang động, người ta đã phát hiện các mộ táng, có chôn theo công cụ và đồ trang sức.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Dựa vào hình 3 SGK và hình trên máy chiếu công cụ chế tác ở Núi Đọ và kiến thức đã tìm hiểu được, em hãy cho biết:  ? Xã hội nguyên thuỷ đã trải qua những giai đoạn nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK, thu thập thông tin.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu đại diện học sinh trình bày – tương tác với các bạn khác.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  **Nhiệm vụ 2:**  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Khai thác kênh hình, đặc biệt là *Lược đồ các di chỉ thời đổ đá và đồ đồng ở Việt Nam* các di chỉ thuộc thời đại đồ đá mới và thông tin ở mục 2, hãy cho biết những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin  Trình bày ý kiến cá nhân vào phiếu học tập dưới sự hướng dẫn của Gv  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức và chuyển sang phần Luyện tập. | - Về đời sống vật chất:  + Sống chủ yếu trong các hang động, mái đá hoặc các túp lều lợp bằng cỏ khô hay lá cây.  + Nguồn thức ăn bao gồm cả những sản phẩm săn bắn, hái lượm và tự trồng trọt, chăn nuôi.  - Về đời sống tinh thần:  + Trong các di chỉ, người ta đã tìm thấy nhiều viên đất nung có dùi lỗ và xâu thành chuỗi, nhiều vỏ ốc biển được mài thủng, có thể xâu dây làm đồ trang sức, những bộ đàn đá, vòng tay,... Hoa văn trên đồ gốm cũng dần mang tính chất nghệ thuật, trang trí.  + Trong nhiều hang động, người ta đã phát hiện các mộ táng, có chôn theo công cụ và đồ trang sức. |

**HĐ3. Luyện tập**

**a.Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân* để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

**c. Sản phẩm*:***hoàn thành bài tập;

**Bài tập 1:** Đáp án của bài tập.

Vai trò của lao động trong việc làm thay đổi con người và cuộc sống của người nguyên thủy:

- Lao động giúp tạo ra thức ăn, của cải cho con người

- Trong quá trình lao động, tìm kiếm thức ăn, đôi bàn tay của người nguyên thủy dần trở nên khéo léo, cơ thể cũng dần biến đổi để trở thành Người hiện đại.

- Nhờ có lao động, con người đã từng bước tự cải biến, hoàn thiện mình và làm cho đời sống ngày càng phong phú hơn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS.

Bài tập 1: Theo em, lao động có vai trò như thế nào trong việc làm thay đổi con người và cuộc sống của nguời nguyên thuỷ?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS

**HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS (Sự phân bố các di chỉ cho thấy con người đã sống rải rác khắp mọi miền trên đất nước Việt Nam hiện nay, từ miền đồi núi đến đồng bằng, ven biển và cả hải đảo).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Tìm trên lược đồ hình 4 (tr.22) kết hợp với tra cứu thông tin từ sách, báo và internet, hãy cho biết các di tích thời đồ đá được phân bố ở những tỉnh nào của nước ta ngày nay và sự phân bố đó nói lên điều gì.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ở lớp và hoàn thành bài tập

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập, viết bài.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách trả lời sau khi hoàn thành bài tập.

- HS làm bài tập ra giấy và thuyết trình trước lớp.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không hoàn thành bài hoặc không tham gia thảo luận (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

……………………………………………………

**Tiết 9;10:Bài 6** Ngày soạn: 30/9/2023

**SỰ CHUYỂN BIẾN VÀ PHÂN HÓA CỦA XÃ HỘI NGUYÊN THỦY**

(2 tiết)

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Quá trình phát hiện kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.

- Sự tan rã của xã hội nguyên thủy.

- Sự hình thành xã hội có giai cấp.

- Sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.

- Xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun)

***2. Về năng lực:***

- Trình bày được quá trình phát hiện kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.

- Giải thích được vì sao sự tan rã của xã hội nguyên thủy.

- Mô tả và giải thích được sự hình thành xã hội có giai cấp.

- Sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.

- Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun)

***3. Về phẩm chất:***

- Từ việc thấy được sự cải tiến không ngừng của con người trong quá trình chế tác công cụ lao động, HS luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả học tập tốt nhất.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên

* Một số tranh ảnh về cách con người sử dụng kim loại trong cuộc sống.
* Lược đồ treo tường *Di chỉ thời đồ đá và đồ đồng ở Việt Nam (*H4,tr22*)*
* Một số hình ảnh công cụ bằng đồng, sắt của người nguyên thủy trên thế giới và Việt Nam, mẩu chuyện *người băng Ốt – di.*

1. Học sinh

* Học sinh tìm hiểu về các đồ dùng kim loại được sử dụng trong cuộc sống.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Dự kiến**

Tiết 1 mục 1. Sự phát hiện ra kim loại và bước tiến của xã hội nguyên thủy

Tiết 2 mục 2. Sự tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam.

**HĐ 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS kết nối bài mới, xác định nội dung của bài học.  **b) Nội dung:** HS theo dõi video *Cuộc sống sẽ như thế nào nếu không có kim loại theo link sau:*  [*https://www.youtube.com/watch?v=PORwh0k3V7o*](https://www.youtube.com/watch?v=PORwh0k3V7o)  sau đó viết tiếp câu.  **c) Sản phẩm:** HS nêu được những giả thuyết nếu không có kim loại.  Gợi ý  Nếu không có kim loại thì con người quay về thời kì đồ đá.  Nếu không có kim loại thì không có nhà để ở.  Nếu không có kim loại thì không có xe để đi.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  HS trả lời câu hỏi:  *Trong vòng 1 phút em hãy viết tiếp câu nói sau: “Nếu không có kim loại thì…”*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS viết tiếp.  **B3: Thực hiện nhiệm vụ**  Gv mời ngẫu nhiên 1 – 3 HS chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **-** Như vậy nếu không có kim loại xuất hiện thì con người vẫn ở thời kì đồ đá. Khi kim loại xuất hiện đời sống con người có nhiều thay đổi từ gia đình tới xã hội. Trong bài học hôm nay các em sẽ tìm hiểu về sự xuất hiện của kim loại và tác động của nó đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp. |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2. 1. Sự phát hiện ra kim loại và bước tiến của xã hội nguyên thủy**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Trình bày được quá trình phát hiện kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.

- Giải thích được vì sao sự tan rã của xã hội nguyên thủy.

- Mô tả và giải thích được sự hình thành xã hội có giai cấp.

- Sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.

**b) Nội dung**:

-HS quan sát H1, H2 kết hợp đọc toàn bộ thông tin mục 1 SGK, thảo luận cặp đôi để hoàn thiện phiếu học tập trong 8 phút.

**c) Sản phẩm**: Phiếu học tập

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- HS Làm việc cá nhân 3 phút, ghi kết quả ra giấy note.

- Thảo luận cặp đôi 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập .

PHIẾU HỌC TẬP

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân trên giấy note trong thời gian 3 phút

HS chia sẻ cặp đôi trong thời gian 5 phút, kết quả trên phiếu học tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**:

- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

**HS:**

- Đại diện 1 cặp đôi lên bày sản phẩm.

- Các cặp khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả, hướng dẫn HS ghi chép.

GV mở rộng thêm về câu chuyện người băng Ốt – di hoặc gợi mở để học sinh nhận thấy sự không ngừng sáng tạo của con người trong quá trình lao động và sản xuất.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang nội dung Sự tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam.

**2. 2. Sự tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun)

**b) Nội dung**:

-HS quan sát H4 tr22, H3,4 bài 6 kết hợp đọc toàn bộ thông tin SGK, thảo luận cặp đôi để hoàn thiện phiếu học tập trong 8 phút.

- HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm**: câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  HS HS quan sát H4 tr22, H3,4 bài 6 kết hợp đọc toàn bộ thông tin SGK để trả lời các câu hỏi sau:  1.Thời đại đồ đồng ở Việt Nam bắt đầu từ khi nào? ở đâu?  2.Sự xuất hiện công cụ bằng kim loại đã có những tác động như thế nào đối với đời sống kinh tế, xã hội?  (gợi ý trên các lĩnh vực: địạ bàn cư trú, nơi tập trung dân cư, sự phát triển của nghề nông, phân hóa xã hội)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Theo dõi thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** mời 3 – 5 HS trả lời nhanh từng câu hỏi (kĩ thuật tia chớp)  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | a. Sự xuất hiện kim loại  -Thời gian xuất hiện: khoảng 4000 năm trước.  - Địa điểm: Địa bàn trên khắp cả nước.  b.Sự phân hóa và tan rã của xã hội nguyên thủy  -Địa bàn cư trú mở rộng  -Nghề nông phát triển.  -Tập trung dân cư ở ven các con sông lớn.  -Sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.  🡪 Là cơ sở cho sự xuất hiện các quốc gia sơ kì đầu tiên ở Việt Nam. |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:**

Câu 1: Sự xuất hiện của kim loại đã có tác động to lớn đến đời sống con người

Nhờ có sự xuất hiện bằng kim loại các công cụ như cày, cuốc, rìu,… con người có thể khai hoang, mở rộng diện tích trồng trọt. Nông nghiệp dùng cày và chăn nuôi súc vật phát triển. Nghề luyện kim chế tạo đồ đồng yêu cầu kĩ thuật cao cùng với nghề dệt vải, làm đồ gốm, đồ mộc, dần trở thành ngành sản xuất riêng.

Quá trình chuyên môn hóa trong sản xuất thúc đẩy năng suất lao động, tạo ra sản phẩm ngày càng nhiều cho xã hội. Con người không chỉ đủ ăn mà còn có của cải dư thừa.

Trong thị tộc người đàn ông dần đảm nhiệm những công việc nặng nhọc nên có vai trò lớn trong xã hội và trở thành chủ của các gia đình. Con cái lấy theo họ cha, hình thành gia đình phụ hệ.

Cùng với sự xuất hiện ngày càng nhiều của cải dư thừa, xã hội dần có sự phân hóa giàu nghèo. Xã hội nguyên thủy tan rã,dần hình thành xã hội có giai cấp và nhà nước.

Câu 2:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nền văn hóa** | **Niên đại** | **Công cụ tìm thấy** |
| Phùng Nguyên | 2000 TCN | Mẫu gỉ đồng, mẫu đồng thau nhỏ, mảnh vòng hay đoạn dây chỉ. |
| Đồng Đậu | 1500 TCN | Hiện vật bằng đồng khá phổ biến gồm: đục, dùi, cán dao, mũi tên, lưỡi câu,… |
| Gò Mun | 1000 TCN | Hiện vật bằng đồng chiếm hơn một nửa hiện vật tìm được, bao gồm: vũ khí (mũi tên, dao, giáo,…),lưỡi câu, dùi, rìu (đặc biệt là rìu lưỡi xéo), đục,… |
| Tiền Sa Huỳnh | 1500 TCN | Hiện vật bằng đồng như: đục, lao, mũi tên, lưỡi câu,… |
| Đồng Nai | 1000 TCN | Hiện vật bằng đồng giống như: rìu, giáo, lao có ngạnh, mũi tên, lưỡi câu,… |

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Sự xuất hiện của kim loại đã có tác động như thế nào đến đời sống con người?

Bài tập 2: Lập bảng theo mẫu sau và điền những thông tin phù hợp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nền văn hóa** | **Niên đại** | **Công cụ tìm thấy** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** HS tìm hiểu thêm và cho biết nguyên liệu đồng hiện nay còn được dùng để chế tạo những công cụ, vật dụng gì. Tại sao các loại công cụ và vũ khí bằng đồng ngày càng ít được sử dụng trong đời sống?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS

Nguyên liệu đồng hiện nay còn được sử dụng vào những việc:

+ Đồng là vật liệu dễ dát mỏng, dễ uốn, có khả năng dẫn điện và dẫn nhiệt tốt, vì vậy nó được sử dụng một cách rộng rãi trong sản xuất các sản phẩm: Dây điện, Que hàn đồng, Tay nắm và các đồ vật khác trong xây dựng nhà cửa, Đúc tượng: Ví dụ tượng Nữ thần Tự do, Cuộn từ của nam châm điện, Động cơ, đặc biệt là các động cơ điện, trong đồ nhà bếp, chẳng hạn như chảo.

+ Đồ đồng là những sản phẩm làm từ nguyên liệu bằng đồng ví dụ như tượng đồng, tranh đồng, trống đồng... Từ lâu đồ đồng đã được dùng như là những dụng cụ, đồ vật trang trí trong nhà không thể thiếu của người Việt Nam chúng ta.

+ Trong tín ngưỡng, văn hóa dân gian: dùng đồng để làm đồ thờ cúng trong ban thờ gia tiên như: hoành phi câu đối bằng đồng, bộ đồ thờ cúng bằng đồng, đỉnh đồng, lư đồng, hạc đồng...

+ Đồ đồng mỹ nghệ là những sản phẩm mỹ nghệ làm từ đồng ví dụ như: tượng đồng, tranh đồng, trống đồng...

+ Đồ đồng phong thủy là những vật phẩm, linh vật, tượng... làm từ đồng.

- Công cụ và vũ khí bằng đồng ngày càng ít được sử dụng trong đời sống vì:

+ Công cụ, vũ khí bằng đồng thường có khối lượng lớn, tốn nhiều sức

+ Không mang lại hiệu quả cao (tốc độ, sức tàn phá...) như các loại vũ khí hiện đại (súng, pháo, mìn...)

+ Khó bảo quản, thời gian sử dụng ngắn

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: tìm hiểu thêm và cho biết nguyên liệu đồng hiện nay còn được dùng để chế tạo những công cụ, vật dụng gì. Tại sao các loại công cụ và vũ khí bằng đồng ngày càng ít được sử dụng trong đời sống?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.